

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2021/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi  
trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 4032 /TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân*

*dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định nội dung, mức chi để thực hiện công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 857/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 nghị quyết này.

### **Điều 2. Nội dung chi, mức chi**

Thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo do Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**PHỤ LỤC****Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**I. Nội dung**

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 100% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>
1	Thi TN THPT
2	Thi tuyển sinh lớp 10
3	Thi giáo viên giỏi thành phố
4	Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi thành phố
5	Thi giáo viên giỏi GDTX thành phố
6	Thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi GDTX thành phố
7	Thi HS Giỏi lớp 9 THCS thành phố
8	Thi HS Giỏi lớp 12 THPT thành phố
9	Thi chọn đội tuyển HSG lớp 12 THPT thành phố (vòng 1)
10	Thi chọn đội tuyển HSG lớp 12 THPT thành phố (vòng 2)
11	Thi Học viên giỏi GDTX thành phố
12	Thi Nghiên cứu khoa học
13	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 90% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>
1	Thi tốt nghiệp Tiếng Hoa cấp Tiểu học
2	Thi Tốt nghiệp tiếng Pháp lớp 12 THPT
3	Thi Tốt nghiệp tiếng Pháp lớp 9 THCS

4	Thi Học viên giỏi máy tính cầm tay GDTX, THPT thành phố
5	Thi Học sinh giỏi giải toán trên máy tính thành phố
6	Thi nghề THPT
7	Thi tuyển sinh lớp 1 - chương trình song ngữ tiếng Pháp

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 70% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>
1	Cuộc thi “khảo sát lớp 3 thành phố”
2	Cuộc thi “khảo sát học sinh lớp 7 thành phố”
3	Cuộc thi “Khảo sát ngoại ngữ khối 9 thành phố”
4	Cuộc Thi Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp
5	Hội thi Quốc tế Pháp ngữ
6	Hội thi “Đầu bếp trẻ”
7	Hội thi khéo tay kỹ thuật môn công nghệ
8	Hội thi An Toàn Giao thông vì nụ cười ngày mai thành phố
9	Hội thi sáng tác ảnh
10	Hội thi hùng biện tiếng Nhật và liên hoan phim Văn hoá
11	Hội thi hùng biện tiếng Anh
12	Hội thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp - STEM
13	Hội thi nét vẽ xanh
14	Hội thi Lớn Lên Cùng Sách
15	Hội Thi E-Learning thành phố
16	Hội thi Văn hay chữ tốt
17	Hội thi Giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố
18	Hội thi Tiếng Anh thành phố

19	Festival bơi lội học sinh
----	---------------------------

*Lưu ý: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi phát sinh ngoài các danh mục nêu trên cấp Thành phố, cấp quận (thành phố Thủ Đức và quận, huyện), Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định nội dung, mức chi phù hợp với tình hình thực tế không vượt quá quy định Nghị quyết này.*

## II. Mức chi

*Đơn vị tính: nghìn đồng.*

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thông tư 69	Mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>CHI CÔNG TÁC XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CẦU HỎI THI</b>		<b>Khoản 9 Điều 8</b>		
<b>1.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)</b>		<b>Điểm b Khoản 9 Điều 8</b>		
	- Trưởng ban/Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	<i>Người/ngày</i>		800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	<i>Người/ngày</i>		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	<i>Người/ngày</i>		400	
<b>1.2</b>	<b>Tiền công thực hiện:</b>		<b>Điểm c, Khoản 9, Điều 8</b>		
	- Soạn thảo câu hỏi thô	<i>câu</i>	70	70	
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm	<i>câu</i>		60	

	định và biên tập câu hỏi		60		
	- Chính sửa câu hỏi sau thử nghiệm	<i>câu</i>	50	50	
	- Chính sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	<i>câu</i>	35	35	
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa.	<i>câu</i>	10	10	
<b>1.3</b>	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm (Chủ trì; các thành viên)</b>		<b>Điểm e, Khoản 9, Điều 8</b>		
	- Trưởng ban/ Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	<i>Người/ngày</i>		800	
<b>2</b>	<b>RA ĐỀ THI</b>		<b>Khoản 8, Điều 8</b>		
<b>2.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên).</b>		<b>Điểm a, Khoản 8, Điều 8</b>		
	- Trưởng ban/ Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không	1.200	
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>		1.000	

	- Thư ký /ủy viên	<i>Người/ngày</i>	phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo	800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	<i>Người/ngày</i>	mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	<i>Người/ngày</i>		400	
<b>2.2</b>	<b>Chi ra đề đề xuất (đối với câu tự luận)</b>		<b>Điểm b, Khoản 8, Điều 8</b>		
	- Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	<i>Đề</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ	600	
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (theo phân môn)	<i>Đề theo phân môn</i>	đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.000	
	- Thi chọn học sinh vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế	<i>Đề theo phân môn</i>		1.500	
<b>2.3</b>	<b>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề); thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm); đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi</b>		<b>Điểm c, Khoản 8, Điều 8</b>		



	<b>quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế.</b>				
	<b>Thi tốt nghiệp THPT</b>	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.400	
	<b>Thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)</b>				
	- Đề trắc nghiệm	<i>Người/ngày</i>		1.500	
	- Đề tự luận	<i>Người/ngày</i>		1.500	
	- Thi nói	<i>Người/ngày</i>		1.500	
	<b>Thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm)</b>				
	- Đề trắc nghiệm	<i>Người/ngày</i>		1.500	
	- Đề tự luận	<i>Người/ngày</i>		1.500	
	<b>Đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế</b>	<i>Người/ngày</i>		1.500	
<b>3</b>	<b>CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN:</b>			<b>Khoản 4, Điều 8</b>	
<b>3.1</b>	<b>Hội đồng/Ban ra đề thi</b>				
	- Chủ tịch Hội đồng	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ	1.200	
	- Phó Chủ tịch thường trực	<i>Người/ngày</i>		1.100	
	- Các Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Ủy viên, Thư ký(24/24h)	<i>Người/ngày</i>		800	

	- Bảo vệ vòng trong (24/24h)	<i>Người/ngày</i>	đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐT BXH.	600	
	- Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>		800	
	- Bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>		400	
<b>3.2</b>	<b>Ban Chỉ đạo thi/Hội đồng thi</b>				
	- Trưởng ban/Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐT BXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Ủy viên/Thư ký	<i>Người/ngày</i>		800	
	- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>		400	
<b>3.3</b>	<b>Hội đồng/Ban coi thi</b>				
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐT BXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Ủy viên, Thư ký, Giám thị	<i>Người/ngày</i>		800	
<b>3.4</b>	<b>Hội đồng chấm thi</b>				

<b>3.4.1</b>	<b>Ban Thư ký Hội đồng</b>				
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Ủy viên	<i>Người/ngày</i>		800	
<b>3.4.2</b>	<b>Ban/Tổ làm phách</b>				
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>		800	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly.	<i>Người/ngày</i>		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ vòng ngoài.	<i>Người/ngày</i>		400	
<b>3.4.3</b>	<b>Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi.</b>				
	- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề	1.200	
	- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>		1.000	

	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐT BXH.	800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	<i>Người/ngày</i>		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	<i>Người/ngày</i>		400	
<b>3.4.4</b>	<b>Hội đồng/Ban in sao đề thi:</b>				
	- Trưởng ban làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐT BXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>		1.000	
	- Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>		800	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	<i>Người/ngày</i>		600	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>		400	
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	<i>Người/ngày</i>		800	
<b>3.4.5</b>	<b>Tổ chức chấm thi</b>				
	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi chọn đội tuyển quốc gia; tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-	1.200	

	thông, chấm thẩm định bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi quốc gia, chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực (nếu có).		BLĐTBXH.		
4	<b>TẬP HUẤN CÁC ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC</b>		<b>Điểm a, Khoản 12, Điều 8</b>		
	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành, trợ lý thí nghiệm, thực hành;	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.000	